TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 738/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Ngô Mạnh Cường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngụy Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 458/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Nh; Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- *Bị cáo:* **Nguyễn Thị Nh** (Tên gọi khác: Sáu Đ), sinh năm 1958 tại Bình Thuận. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: khu phố P, thị trấn P1, huyện H, tỉnh Bình Thuận; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: làm nông; con ông Nguyễn Ngh (đã chết) và bà Trần Thị Ch (đã chết); chồng Nguyễn Văn M (đã chết); con có 06 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/12/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Hồng S – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: khu phố 13, phường P2, TP P3, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

(Trong vụ án còn có 02 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/11/2010, Nguyễn Thị Nh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961, thửa đất số 240, tờ bản đồ 30, diện tích 2.463,8 m^2, loại đất: đất cây trồng hàng năm khác, địa chỉ thửa đất tại ở khu phố P, thị trấn P1, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 11/6/2014, Nguyễn Thị Nh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (có chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P1) cho bà Nguyễn Thị Ngọc B 1.000m^2 (nằm trong diện tích 2.463,8 m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961. Ngày 07/7/2014, bà B được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS774714, thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.000m^2. Ngày 04/11/2014, Nguyễn Thị Nh tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận) phần diện tích còn lại 1.463,8m^2 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961 cho bà B. Ngày 08/12/2014, bà B được Ủy ban nhân dân huyện H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.463,8m^2. Như vậy, từ thửa đất số 240, tờ bản đồ 30, tổng diện tích 2.463,8m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961 đã tách thành hai thửa đất với chứng nhận quyền sử dụng đất số BS774714 diện tích là 1.000m^2 và chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468 diện tích 1.463,8m^2 mang tên Nguyễn Thị Ngọc B. Ngày 12/12/2014, bà B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng tại Văn phòng Công chứng T) diện tích 1.463,8m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30 cho bà Lê Thị T (sinh năm 1981; trú tại khu phố 9, phường P4, thành phố P3). Ngày 15/9/2016, bà Tình ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng tại Văn phòng Công chứng T) diện tích 1.463,8m^2 này cho ông Trần Văn L (sinh năm 1978; trú tại khu phố 7, phường Đ, thành phố P3). Sau khi ký hợp đồng mua bán với bà Tình, ông L1 làm thủ tục sang tên, cập nhật biến động chủ sở hữu đối với thửa đất trên, tuy nhiên ngày 23/11/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận có văn bản số 23 gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H về việc bà Lê Thị T đang bị tố cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H, ông M, vì vậy tạm thời không làm thủ tục chuyển nhượng, mua bán các tài sản liên quan đến bà Tình. Do đó, đến ngày 02/11/2020 ông Trần Văn L mới được cập nhật biến động đăng bộ sang tên đối với thửa đất trên.

Từ khi bán đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc B, Nguyễn Thị Nh ít khi thấy bà B đến thăm đất. Tháng 8 năm 2019, Nguyễn Thị Nh biết bà B đã chết (bà B chết vào ngày 24/8/2016) nên Nh nảy sinh ý định bán đất trên phần diện tích 1.463,8 m^2 đã bán cho bà B cho người khác để chiếm đoạt tiền. Biết được ông Nguyễn Ngọc L1 (sinh năm 1974; trú tại thôn T, xã H1, huyện H, là cháu ruột của Nguyễn Thị Nh) có ý định mua đất tại khu vực trên, nên Nguyễn Thị Nh đã gặp ông L1

thỏa thuận bán 500m^2 (trong phần diện tích 1.463,8m^2) với giá 260.000.000 đồng và nói dối với ông Nguyễn Ngọc L1 là đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L1 đồng ý mua. Ngày 11/8/2019, Nguyễn Thị Nh và ông L1 nhờ Nguyễn Thị Minh Ch (sinh năm 1979, trú tại thôn 3, xã H2, huyện H - là bạn của ông L1) viết giấy tay mua bán đất thể hiện nội dung "Nguyễn Thị Bích Ph (con gái Nguyễn Thị Nh) có sang nhượng cho ông Nguyễn Ngọc L1 diện tích 500m^2… với giá 260.000.000 triệu đồng…". Sau đó Nguyễn Thị Bích Ph ký tên ở mục người bán, Nguyễn Thị Nh (lăn tay) và Nguyễn Thị Bích Tr (con gái bà Nh) ký ở mục người liên quan. Ông L1 mua đất xong thì đóng cọc bê tông quanh khu đất.

Đến tháng 11/2019, ông Võ Ngọc Đ (sinh năm 1974, trú tại thôn T1, xã H3, huyện B) đến khu vực thôn P chơi và gặp ông Nguyễn Ngọc L1, ông Đoàn Ngọc H. Ông Đ nói muốn mua đất cho con nên mới đến khu vực trên để xem. Do đang thiếu tiền làm ăn, nên ông Nguyễn Ngọc L1 nói là có mua 500m^2 của Nguyễn Thị Nh bằng giấy tay, nếu ông Đ muốn mua lại thì Lâm bán lại với giá 250.000.000 đồng. Sau đó, cả 03 người cùng đi xem đất và ông Đ đồng ý mua. Trong quá trình ông Đ và ông L1 xem đất thì Nguyễn Thị Nh đến nói với ông Đ là còn 500m^2 nữa ở kế bên, nếu ông Đ mua thì Nh bán luôn, rồi Nh đưa cho ông Đ xem 01 sơ đồ đất không có chữ ký. Do không biết về hồ sơ đất đai và có quen ông Bùi Công Tr (ông Tr có thời gian làm việc ở Ủy ban nhân dân thị trấn P1) nên ông Đ đã liên hệ ông Tr để xem giúp. Sau đó, ông Tr đến xem đất thì nói khu đất không giống sơ đồ, cần xem lại đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa?. Trên đường đi về, ông Đ vào nhà ông Trần X (nhà ở khu phố P4, thị trấn P1) chơi. Tại đây, ông Đ có kể việc mua đất của Nguyễn Thị Nh gả bán nói trên thì ông Lê Th là người sống lâu năm tại khu vực trên nói với ông Đ "đất khu vực bà "Mười Đ" (tức Nh) có sổ, coi chừng bả đi thế cho người ta rồi đó". Sau đó, ông Đ và ông H đến nhà Nguyễn Thị Nh hỏi lại thì Nh nói dối là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất, chưa làm lại được và đưa cho ông Đ một tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô diện tích là 2.463,8m^2. Lúc này, ông Đ nói có quen cán bộ địa chính nên sẽ làm lại giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất. Sau đó ông Đ liên hệ ông Bùi Công Tr để hướng dẫn làm thủ tục cấp lại sổ và được ông Tr hướng dẫn nên ông Đ đến một tiệm đánh máy, nhờ làm đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961 (không xác định được địa chỉ tiệm).

Khoảng vài ngày sau, ông Võ Ngọc Đ đưa đơn báo mất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô trên cho ông Bùi Công Tr nhờ ông Tr làm giúp thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nh. Ông Tr gặp Nguyễn Thị Nh ở chợ P1 và đưa đơn cho Nh ký vào, rồi hướng dẫn Nh đến gặp ông Nguyễn Hoài H1 - cán bộ địa chính thị trấn P1 để nộp đơn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô kèm theo.

Ngày 19/11/2019, ông Nguyễn Hoài H1 đã tiếp nhận đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.463,8m^2; địa chỉ thửa đất: thị trấn P1, huyện H, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00564 ngày 24/11/2010. Căn cứ Điều 77 Nghị định 43/2021/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, ông H1 đã làm thủ tục niêm yết công khai và kết

thúc niêm yết theo quy định (không có tranh chất, khiếu nại gì). Kết thúc niêm yết, ông H1 giao lại hồ sơ cho Nguyễn Thị Nh để nộp hồ sơ cấp lại theo quy định của pháp luật. Sau đó Nguyễn Thị Nh đã nhờ ông Tr nộp giúp hồ sơ nên ông Tr đã nộp hồ sơ tại Văn phòng 01 cửa huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Trong thời gian chờ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Võ Ngọc Đ đã thống nhất mua 500m^2 đất của Nguyễn Thị Nh với giá 250.000.000 đồng. Ngày 02/12/2019, ông Đ cùng ông H đến nhà Nguyễn Thị Nh để làm giấy mua bán viết tay và đặt cọc số tiền 70.000.000 triệu đồng. Ngày 15/12/2019, ông Đ hẹn Nguyễn Thị Nh đến nhà ông Trần X để ký hợp đồng mua bán đất, nội dung thể hiện Nguyễn Thị Nh bán 1.000m^2 đất (bao gồm 500m^2 của ông L1, được sự thống nhất và đồng ý của ông L1 vì cũng là viết bán giấy tay nên để gộp chung thuận tiện cho việc sang nhượng quyền sử dụng đất sau này) cho Nguyễn Thị Kim Th (chị của ông Đ) với giá 500.000.000 đồng. Con của Nguyễn Thị Nh là Nguyễn Văn Th1 và Nguyễn Thị Bích Ph cùng ký tên vào hợp đồng, ông Trần X và ông Lê Th ký ở mục người làm chứng. Sau đó, ông Thu có nghi ngờ việc Nguyễn Thị Nh nói mất sổ là không thật nên mới nói "Đẩy ơi Đẩy, mày có bán hay thế cho ai thì mày nói để thằng Đảm nó đi chuộc, đừng để anh em, chú cháu tao phải đi hầu tòa đó nha" thì Nh khẳng định là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất chứ không có thế chấp gì cả. Sau khi đã ký xong hợp đồng mua bán đất thì ông Đ giao tiếp cho Nguyễn Thị Nh số tiền 140.000.000 triệu đồng, khoản tiền còn lại hai bên thỏa thuận khi cấp xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giao đủ.

Sau khi Nguyễn Thị Nh nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là 2.463,8m^2. Đến khoảng tháng 2/2020, do có quen biết với cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai huyện H nên ông Bùi Công Tr biết được đất của Nh đã chuyển nhượng 1.000m^2 (trong tổng diện tích 2.463,8m^2) cho bà Nguyễn Thị Ngọc B, vì vậy Nh sẽ không được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là 2.463,8m^2. Ông Tr đã xin photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD122961, đã được chỉnh lý biến động 1000m^2, chỉ còn lại 1.463,8m^2. Sau đó làm lại đơn báo mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa cho Nguyễn Thị Nh ký rồi nói Nh nộp cho ông Nguyễn Hoài H1 là cán bộ địa chính thị trấn P1 để niêm yết lại. Sau khi nhận được đơn báo mất của Nh thì ngày 27/02/2020, ông Nguyễn Hoài H1 tiếp tục tham mưu thủ tục niêm yết công khai đối với trường hợp trên. Đến ngày 14/4/2020, ông Tr đã nộp hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử đất lần thứ hai (diện tích 1.463,8m^2) vào Bộ phận 01 cửa huyện H để xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Nguyễn Thị Nh.

Đối với hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử đất lần thứ nhất (diện tích 2.463,8m^2), ngày 11/3/2020, Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đã trả lại hồ sơ vì đã chuyển nhượng 1.000m^2 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B nên không có cơ sở cấp lại 2.463,8m^2. Ông Tr nhận được hồ sơ thì bỏ đi nên không còn lưu giữ. Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H cũng không lưu giữ hồ sơ niêm yết này, chỉ lưu giữ công văn trả hồ sơ (việc lưu giữ hồ sơ khi đã chấp thuận chỉnh lý biến động liên quan đến đất theo quy định của Luật Đất đai).

Trong thời gian chờ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần thứ hai, thì có bà Trần Thị T đến khu phố P, thị trấn P1, huyện H để tìm mua đất. Sau khi Nguyễn Thị Nh biết được đất của mình sẽ được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Nh đã liên hệ với ông Võ Ngọc Đ, hỏi ông Đ có bán lại đất không? thì ông Đ nói "nếu cô bán được 850.000.000 đồng thì con cho cô 50.000.000 đồng ". Lúc này, mặt dù Nguyễn Thị Nh đã biết rõ phần diện tích trên mình đã bán cho bà B nhưng vì muốn có 50.000.000 đồng từ việc ông Đ hứa cho nên Nh tiếp tục liên hệ với bà Trần Thị T để bán diện tích đất trên. Sau khi thỏa thuận với bà T thì ngày 11/7/2020, Nh ký mua bán giấy tay và nhận cọc 150.000.000 đồng từ bà T để bán 1.000m^2 đất với giá bán là 850.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận sau khi ký công chứng hợp đồng mua bán thì thanh toán hết. Nhận tiền cọc xong, Nguyễn Thị Nh về giao cho ông Đ 150.000.000 đồng và được ông Đ đưa cho Nh 50.000.000 đồng như đã hứa. Lúc này ông Võ Ngọc Đ và Nguyễn Thị Nh thống nhất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện cho việc chuyển nhượng thửa đất trên cho bà T, thì ông Đ viết giấy tay bán thửa đất trên ngược lại cho Nh. Sau khi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 171802, thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.463,8m^2 (nằm trong tổng diện tích 2.463,8m^2); địa chỉ thửa đất: thị trấn P1, huyện H; ngày 14/7/2020, bà T, ông Đ và Nguyễn Thị Nh đến Ủy ban nhân dân thị trấn P1 để Nh và bà T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với số tiền là 850.000.000 đồng (nhưng ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 100.000.000 đồng). Sau khi ký hợp đồng xong bà T giao số tiền 700.000.000 đồng còn lại cho ông Đ. Đối với Nguyễn Thị Nh trong việc mua bán này được thu lợi bất chính 50.000.000 đồng đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bà Trần Thị T biết được thửa đất 1.463,8m^2 mà Nguyễn Thị Nh đứng ra ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mình (ông Đ là người nhận tiền) thì trước đó Nh đã bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc B và hiện tại thửa đất này được cấp cùng lúc hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà Trần Thị T đã tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Nh.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị Ngọc D (cán bộ Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H) thừa nhận: bản thân được giao lục tìm hồ sơ lưu trữ, khi có yêu cầu của bộ phận thẩm định. Do đây là giấy chứng nhận được cấp trước năm 2017 (năm 2017 thị trấn P1 mới bắt đầu xây dựng dữ liệu đất đai cho trường hợp cấp mới), nên chỉ lục thủ công, tìm kiếm trên phần mềm Excel và chỉ tìm thấy hồ sơ chuyển nhượng số 23062.14.001891 (thể hiện bà Nh chuyển nhượng cho bà B 1.000m^2, diện tích còn lại không chuyển nhượng). D đã cung cấp thông tin hồ sơ này cho ông Lê Ph (cán bộ Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H) để thẩm định. Sau khi hồ sơ được duyệt và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận đã ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị Nh số CV 171802, thửa đất số 240, tờ bản đồ 30, diện tích 1.463,8m^2 thì bộ phận lưu trữ mới bắt đầu quản lý theo hệ thống phần mềm địa chính. Bà D đã thừa nhận đã thiếu sót trong công tác lưu trữ, sao lục hồ sơ địa chính nên không phát hiện được hồ sơ Nguyễn Thị Nh chuyển nhượng 1.463,8m^2 cho bà B vào năm 2014, đến khi Tòa án dân sự huyện

H xét xử thì mới phát hiện toàn bộ diện tích 2.463,8m^2 đã được Nguyễn Thị Nh chuyển nhượng cho người khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận đã tiến hành giám định trình tự, thủ tục và hồ sơ chuyển nhượng đất đai, hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị Nh. Ngày 27/4/2023, Giám định viên Trần Ngọc Ngà đã có Kết luận giám định số 367/KL-GĐTP thể hiện: Toàn bộ việc chuyển nhượng (giữa Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị Ngọc B; giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và Lê Thị T; giữa bà Lê Thị T và ông Trần Văn L; giữa Nguyễn Thị Nh và bà Trần Thị T) và việc cấp lại liên quan đến thửa đất số 240, tờ bản đồ 30, diện tích 1.463,8 m² cho bà Nguyễn Thị Nh, theo hồ sơ, trình tự thủ tục là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 171802 trong khi trước đó thửa đất này đã được thu hồi và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468 ngày 08/12/2014 (tồn tại 02 giấy chứng nhận trên cùng 01 thửa đất) là không đúng; nguyên nhân là do:

- Địa bàn thị trấn P1, huyện H chưa xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính (dữ liệu về lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất). Từ đó, việc đối chiếu, theo dõi thông tin về đăng ký đất đai, chỉnh lý biến động còn thực hiện bằng phương pháp thủ công; chưa cập nhật, quản lý bằng phần mềm chuyên dụng. Do đó, trong quá trình tác nghiệp thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị Nh, kiểm tra thực hiện các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các cơ quan chức năng đã không phát hiện một thửa đất được cấp đồng thời 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn hiệu lực.

- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai H (trước đây là Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H) chưa theo dõi xuyên suốt, có hệ thống việc cấp, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất của Nguyễn Thị Nh, quá trình kiểm tra hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.463,8m² tại thị trấn P1. Ủy ban nhân dân thị trấn P1 chưa sâu sát trong việc nắm, cập nhật các thông tin địa chính đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.463,8m² tại thị trấn P1 nên có xác nhận, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 122961 ngày 24/11/2010 của Nguyễn Thị Nh để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới.

- Nguyễn Thị Nh trong tháng 11/2014 đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc B, với diện tích 1.463,8 m², thửa đất số 240, tờ bản đồ số 30, tại thị trấn P1, huyện H. Thửa đất này được Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468 ngày 08/12/2014 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B. Nhưng đến tháng 02/2020, Nh lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Việc làm của Nguyễn Thị Nh là việc khai báo, lập hồ sơ không trung thực.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Thuận số 513/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2023 xác định: Thửa đất số

240, có diện tích 1.463,8m^2, theo giấy chứng nhận số CV171802 vào tháng 6/2020 có giá trị là 154.870.000 đồng.

Về dân sự: Ông Nguyễn Ngọc L1 và ông Võ Ngọc Đ không yêu cầu bồi thường dân sự. Bà Trần Thị T yêu cầu Nh và những người liên quan trả lại số tiền 850.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

1/. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Nh 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2022.

2/. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 117, Điều 122, Điều 127, Điều 131 và Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Buộc ông Võ Ngọc Đ phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/4/2024, bị cáo Nguyễn Thị Nh có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn án phí.

Ngày 02/5/2024, bị hại Trần Thị T kháng cáo yêu cầu xét xử lại theo hướng xử lý trách nhiệm của các công chức của Phòng tài nguyên và môi trường huyện H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H; yêu cầu những người này bồi thường thiệt hại cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Nh vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Trần Thị T tự nguyện rút lại toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đối với kháng cáo của bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đã rút lại toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với kháng cáo của bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm xét

xử bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; xử phạt bị cáo 12 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Luật sư thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên nhân dân đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Nh và bị hại Trần Thị T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Thị T rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trần Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Phần diện tích 1.463,8m^2 thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ 30, loại đất trồng cây hàng năm khác, ở khu phố P, thị trấn P1, huyện H đã được Nguyễn Thị Nh chuyển nhượng cho cho bà Nguyễn Thị Ngọc B ngày 14/11/2014. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Thuận và bà B đã được cấp Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 061468 ngày 08/12/2014 đối với diện tích 1.463,8m^2. Sau đó, bà B chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà Lê Thị T; bà Tình chuyển nhượng cho ông Trần Văn L và hiện ông L1 đã được cập nhật biến động, đăng bộ sang tên đối với thửa đất trên.

Mặc dù biết diện tích đất trên đã chuyển nhượng cho bà B, nhưng ngày 11/8/2019, Nguyễn Thị Nh chuyển nhượng 500m^2 (trong phần diện tích 1.463,8m^2) với giá 260.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc L1, nói dối với ông Nguyễn Ngọc L1 là đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, tiếp tục chuyển nhượng cho ông Võ Ngọc Đ 500m^2 (trong phần diện tích 1.463,8m^2)

với giá 250.000.000 đồng; nói dối ông Đ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất. Các bên thống nhất gộp chung thành diện tích đất 1.000m^2 để xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong thời gian Nguyễn Thị Nh làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho ông Võ Ngọc Đ thì Nh biết được bà Trần Thị T đến khu phố P, thị trấn P1, huyện H để tìm mua đất. Nguyễn Thị Nh hỏi ông Đ có bán lại đất không, thì ông Đ nói nếu Nh bán được 850.000.000 đồng thì ông Đ cho Nh 50.000.000 đồng. Ngày 11/7/2020, Nguyễn Thị Nh ký mua bán giấy tay và nhận cọc 150.000.000 đồng từ bà T để bán 1.000m^2 đất với giá là 850.000.000 đồng, sau đó được ông Đ cho 50.000.000 đồng như đã hứa. Khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 14/7/2020, bà T, ông Đ và Nguyễn Thị Nh đến Ủy ban nhân dân thị trấn P1 để Nh và bà T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với số tiền 850.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Nh đã dùng thủ đoạn gian dối để bán đất cho nhiều người nhằm chiếm đoạt và thu lợi bất chính số tiền 560.000.000 đồng (260.000.000 đồng của ông Nguyễn Ngọc L1 + 250.000.000 đồng của ông Võ Ngọc Đ + 50.000.000 đồng thu lợi từ việc gian dối để bán đất cho bà Trần Thị T).

Với hành vi nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội 02 lần trở lên"* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Toà án cấp sơ thẩm xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ đó xử phạt bị cáo 12 năm tù – mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo cho rằng nguyên nhân dân đến hành vi phạm tội của bị cáo có phần lỗi từ việc buông lỏng quản lý của Phòng tài nguyên và môi trường huyện H, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Thấy rằng, bản thân bị cáo biết quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng cho người khác nhưng vẫn thỏa thuận chuyển nhượng cho ông L1, ông Đ để chiếm đoạt tài sản; sau đó bị cáo làm đơn cấp mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để được cấp lại, tạo niềm tin cho người bị hại tiếp theo là bà T nhận chuyển nhượng. Việc cơ quan nhà nước thiếu sót trong việc cập nhật cơ sở dữ liệu, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng khi bị cáo làm đơn cấp mất không phải là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo như người bào chữa đã trình bày.

Bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Trần Thị T.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Nh.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận về hình phạt.

1/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Nh 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 117, Điều 122, Điều 127, Điều 131 và Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng).

Buộc ông Võ Ngọc Đ phải trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Bị cáo Nguyễn Thị Nh được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sữa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sữa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sữa đổi, bổ sung).

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (2);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận (1);
- Công an tỉnh Bình Thuận (1);
- Trại tạm giam tỉnh Bình Thuận (2);
- BH (1);
- Lưu VP(5), HS(2).18b.NTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng